

NGHỊ QUYẾT
Về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ NGỌK BAY
KHÓA XII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 2

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm các tháng cuối năm 2025;

Căn cứ Thông báo số 38-TB/ĐU ngày 09 tháng 10 năm 2025 kết luận của của Ban Thường vụ Đảng ủy xã Ngọk Bay về các nội dung trình tại Hội nghị Ban Thường vụ Đảng ủy bất thường;

Xét Tờ trình số 45/TTr-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc trình Hội đồng nhân dân xã thông qua Nghị quyết về chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2025.

1. Nhóm chỉ tiêu về Kinh tế:

(1) Nông nghiệp:

- Sản lượng lương thực cây có hạt: 2.592 tấn. Trong đó:
 - + Lúa: 1.002 tấn.
 - + Ngô: 1.590 tấn.
- Một số cây trồng chủ yếu: Lúa: 189 ha, Ngô: 315 ha, Sắn: 1.320 ha, Mía: 365 ha.
- Cây lâu năm: Cây ăn quả các loại: 348 ha; Cây mắc ca: 35 ha.
- Cây công nghiệp: Cây cà phê: 83 ha; Cây cao su: 2.182 ha.
- Tổng đàn gia súc: Đàn trâu: 160 con, đàn bò: 5.350 con, đàn lợn: 12.250 con, sản lượng thịt hơi xuất chuồng: 2.050 tấn.

(2) Lâm nghiệp:

- Diện tích rừng trong quy hoạch 3 loại rừng (Rừng sản xuất: 103,8 ha).

(3) Thủy sản:

- Diện tích nuôi trồng: 40 ha
- Sản lượng thủy sản đánh bắt: 75 tấn
- Sản lượng thủy sản nuôi trồng: 84 tấn

(4) Thủy lợi:

- Tổng diện tích nước tưới: 73,38 ha. Trong đó: tưới bằng công trình kiên cố: 73,38 ha.

2. Nhóm chỉ tiêu về Văn hóa - Xã hội.

(1) Giáo dục và đào tạo:

- Giáo dục mầm non công lập: 1.008 cháu.
- Giáo dục phổ thông công lập: Tiểu học (2.275 học sinh); Trung học cơ sở (1.618 học sinh).

(2) Y tế:

Dân số trung bình: 24.892 người.

(3) Lao động, việc làm, giảm nghèo:

- Tổng số hộ: 5.698 hộ.
- Số hộ nghèo: 21 hộ.
- Số hộ nghèo giảm trong năm: 20 hộ.
- Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chuẩn mới quốc gia: 0,37%.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định. Trong đó, xác định các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị để tiếp tục phấn đấu thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh 6 tháng cuối năm 2025 theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, đoàn viên và hội viên tích cực thực hiện và giám sát việc thực hiện theo chức năng nhiệm vụ.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực ngày 10 tháng 10 năm 2025.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Ngọc Bay khoá XII, Kỳ họp chuyên đề lần thứ 2, thông qua ngày 10 tháng 10 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Chủ tịch và các PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức CT-XH xã;
- Các Ban Hội đồng nhân dân xã;
- Các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- Các thôn trên địa bàn xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, HĐ.

PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Vị

PHỤ LỤC
CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 10 / 10 /2025
của Hội đồng nhân dân xã Ngọc Bay)

TT	CHỈ TIÊU CHỦ YẾU	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kế hoạch 2025/ TH 2024 (%)	Ghi chú
A	CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU					
1	<i>Nông nghiệp</i>					
	- Sản lượng lương thực cây có hạt	Tấn	2,266	2,592	114.4	
	<i>Trong đó: + Lúa</i>	Tấn	1,034	1,002	96.9	
	<i>+ Ngô</i>	Tấn	1,232	1,591	129.1	
	- Một số cây trồng chủ yếu					
	+ Lúa: Diện tích	Ha	195	189	96.9	
	Năng suất	Tạ/ha	53	53	100	
	Sản lượng	Tấn	1,034	1,002	96.9	
	+ Ngô: Diện tích	Ha	315	315	100	
	Năng suất	Tạ/ha	43.0	50.5	117.4	
	Sản lượng	Tấn	1,232	1,591	129.1	
	+ Sắn: Diện tích	Ha	1,320	1,320	100	
	Năng suất	Tạ/ha	199.0	189.2	95.1	
	Sản lượng	Tấn	26,268	24,974	95.1	
	+ Mía: Diện tích	Ha	228	365	160.1	
	Năng suất	Tạ/ha	396.1	396.1	100.0	
	Sản lượng	Tấn	9,031	14,458	160.1	
	- Cây lâu năm			83		
	+ Cây ăn quả các loại	Ha	300	348	116	
	<i>Trong đó trồng mới</i>	Ha		49		
	+ Cây Mắc ca	Ha	34	35	102.9	
	<i>Trong đó trồng mới</i>	Ha		2		
	- Cây công nghiệp					
	+ Cây Cà phê	Ha	83	83	100	
	Cà phê xứ lạnh					
	<i>Trong đó trồng mới</i>	Ha				
	+ Cao su	Ha	2,182	2,182	100	
	<i>Trong đó trồng mới</i>	Ha				
	- Đàn gia súc:					
	+ Đàn trâu	Con	155	160	103.2	

	+ Đàn bò	Con	5,480	5,350	97.6	
	<i>Tỷ trọng bò lai</i>	%	70	70		
	+ Đàn lợn	Con	12,050	12,250	101.7	
	+ Sản lượng thịt hơi xuất chuồng	Tấn	2,057	2,050	99.7	
2	Lâm nghiệp					
	- Diện tích rừng trong Quy hoạch 3 loại rừng	Ha	103.8	103.8	100	
	<i>Trong đó:</i> + Rừng phòng hộ	"				
	+ Rừng sản xuất	"	103.8	103.8	100	
3	Thủy sản					
	- Sản lượng thủy sản đánh bắt	Tấn	200	75	37.5	
	- Sản lượng thủy sản nuôi trồng	"	338	84	24.9	
	<i>Trong đó:</i> Tôm nuôi	Tấn				
	- Diện tích nuôi trồng	Ha	33.6	40	119	
	<i>Trong đó:</i> Nuôi tôm	"				
4	Thủy lợi					
	- Tổng diện tích được tưới	Ha	73.38	73.38	100	
	<i>Trong đó: Tưới bằng công trình kiên cố</i>	"	73.38	73.38	100	
B	VĂN HÓA - XÃ HỘI					
I	Giáo dục và đào tạo					
1	Giáo dục mầm non công lập	Cháu	718	1,008	140	
2	Giáo dục phổ thông công lập					
	- Tiểu học	Học sinh	2,019	2,275	112.7	
	- Trung học cơ sở	"	1,699	1,618	95.2	
II	Y tế					
1	Dân số trung bình	Người	24,377	24,892	102.1	
III	Lao động, việc làm, giảm nghèo					
1	Tổng số hộ	Hộ	5,336	5,698	106.8	
2	Số hộ nghèo	"	41	21	51.2	
3	Số hộ nghèo giảm trong năm	"	27	20	74.1	
4	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới Quốc gia.	%	0.77	0.37		